TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 16 tháng 05 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K; sinh ngày: 16 tháng 07 năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố NM, thị trấn DL, huyện CL, tỉnh HT.

Bị đơn: Anh Lê Đức P, sinh ngày: 06 tháng 09 năm 1990

Địa chỉ: Thôn TH, xã KH, huyện K, tỉnh HT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Lê Đức P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị K và anh Lê Đức P có 01 con chung là cháu: Lê Trần Khánh N, sinh ngày 16 tháng 07 năm 2021.

Giao con chung Lê Trần Khánh N cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo, dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có

hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con của Tòa án.

Trong thời gian chị Trần Thị K trực tiếp nuôi con chung, anh Lê Đức P cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Trần Thị K mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Trường hợp anh Lê Đức P chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị K thì anh Lê Đức P phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Anh Lê Đức P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được phép ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ Chung: Không có nợ chung.

Về án phí: Chị Trần Thị K thỏa thuận nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí nuôi con theo luật định, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) dã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh HT theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005394 ngày 28/03/2023. Như vậy tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí nuôi con theo luật định chị Kiều đã nội đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: Chị K, anh P;
- VKS huyện K, tỉnh HT;
- UBND xã KH, huyện K, tỉnh HT;
- Chi cục THADS huyện K, tỉnh HT;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh HT;
- VKS nhân dân tỉnh HT.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Hoàng